

KT3-2076DI1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/08/2011

Page 01/02

1. Tên mẫu : CẦU CHẢY + GIÁ ĐỠ CẦU CHẢY HẠ THỂ 2A
Name of sample
2. Số lượng mẫu : 01 (4 cái/ pieces)
Quantity
3. Mô tả mẫu : Cầu chảy hạ thể 2 A: OMEGA, OFL 10 x 38, 500 V~ 100 kA, gG, 2A
Giá đỡ cầu chảy hạ thể: OMEGA, OMG-FS32X, 690 V~, 10 x 38
Description
4. Ngày nhận mẫu : 12/08/2011
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 13/08/2011 – 23/08/2011
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY OMEGA
62L/38 NGUYỄN HỒNG, P. 11, BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH
Customer
7. Phương pháp thử : TCVN 5926-1 : 2007 & IEC 60269-1 : 2005
Test method
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / see page 02/02
Test result

TRƯỞNG PTN. ĐIỆN
HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.

TL. GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH KTN CƠ-ĐIỆN
MECH. - ELECTRICAL TESTING DIV. MANAGER


NGUYỄN TẤN TÙNG
TÔN THẮT KIÊM

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ Test results are valid for the namely submitted samples(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-8) 3829 4274 Fax: (84-8) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-61) 383 6212 Fax: (84-61) 383 6298 E-mail: qt-dichvutn@quatest3.com.vn



8. Kết quả thử nghiệm

Test result

Tên chỉ tiêu Specification	Kết quả thử nghiệm Test result
8.1. Điện trở cách điện sau khi thử nóng ẩm 48 h, MΩ <i>Insulation resistance after 48 h humidity treatment</i> - Giữa phần mang điện và khung thiết bị <i>Between live parts and frame</i> - Giữa các phần mang điện có điện thế khác nhau <i>Between live parts with difference voltage</i>	Lớn hơn 1000 <i>More than</i> Lớn hơn 1000 <i>More than</i>
8.2. Thử điện áp 1,89 kV trong 1 min <i>Voltage test 1,89 kV for 1 min</i> - Giữa phần mang điện và khung thiết bị <i>Between live parts and frame</i> - Giữa các phần mang điện có điện thế khác nhau <i>Between live parts of different voltage</i>	Đạt <i>Pass</i> Chịu được <i>Withstand</i> Chịu được <i>Withstand</i>
8.3. Độ tăng nhiệt, °C <i>Temperature rise</i> - Đầu nối / Terminal - Cực tiếp xúc bằng lò xo / Contact poles	16 22
8.4. Tổn hao công suất / Loss of power, W	0,87
8.5. Đặc tính thời gian - dòng điện <i>Time-Current characteristics</i> - Dòng điện qui ước không chảy 1,25 I_{dd} - Dòng điện qui ước chảy 1,6 I_{dd}	Đạt <i>Pass</i> Không chảy trong 1 h <i>Does not melt within 1 h</i> Chảy ở 49 min <i>Melt at 49 min</i>
8.6. Điện trở của dây chảy, μΩ <i>Resistance of fuse link</i>	7,79

